

CÔNG TY TNHH VIETDREAM TRAVEL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIETDREAM TRAVEL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETDREAM TRAVEL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIETDREAMTRAVEL CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109221631

3. Ngày thành lập: 12/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 130 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
2.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
3.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
4.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
5.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
6.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
7.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
8.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
10.	Bốc xếp hàng hóa	5224
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
14.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
15.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
16.	Xuất bản phần mềm	5820
17.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
18.	Quảng cáo	7310
19.	Cho thuê xe có động cơ	7710
20.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
21.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
22.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7911(Chính)
23.	Điều hành tua du lịch	7912
24.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
25.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
26.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
27.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
29.	Dịch vụ đóng gói	8292
30.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
31.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
32.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
33.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
34.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
35.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

39.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
41.	Khai thác thủy sản biển	0311
42.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
43.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
44.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
45.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
46.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
47.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
48.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
49.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
50.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
51.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
52.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
53.	Sản xuất đường	1072
54.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
55.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
56.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
57.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
58.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
59.	Sản xuất rượu vang	1102
60.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
61.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
62.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
63.	Sản xuất sợi	1311
64.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
65.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
66.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
67.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
68.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
69.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
70.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

71.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
72.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
73.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
74.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
75.	Sản xuất giày, dép	1520
76.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
77.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
78.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
79.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
80.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
81.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
82.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
83.	In ấn	1811
84.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
85.	Sao chép bản ghi các loại	1820
86.	Sản xuất than cốc	1910
87.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
88.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
89.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
90.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
91.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
92.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
93.	Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
94.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
95.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
96.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
97.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
98.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
99.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
100.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
101.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
102.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
103.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
104.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
105.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
106.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

107.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
108.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
109.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
110.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
111.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
112.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
113.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
114.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
115.	Thu gom rác thải độc hại	3812
116.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
117.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
118.	Xây dựng nhà để ở	4101
119.	Xây dựng nhà không để ở	4102
120.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
121.	Xây dựng công trình điện	4221
122.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
123.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
124.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
125.	Xây dựng công trình thủy	4291
126.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
127.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
128.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
129.	Phá dỡ	4311
130.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
131.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
132.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
133.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
134.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
135.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
136.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
137.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
138.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
139.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

140.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4530
141.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
142.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
143.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
144.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
145.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
146.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
147.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh	4632
148.	Bán buôn đồ uống	4633
149.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
150.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

151.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
152.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
153.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
154.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
155.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
156.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
157.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
158.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC THẠCH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001091012648

Ngày cấp: 22/06/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 136 Hà Nội, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 136 Hà Nội, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội